

# TÂM LÝ KINH DOANH

Thời gian: **Không giới hạn** | Số câu: **62**

Họ và tên thí sinh: \_\_\_\_\_  
Lớp / Đơn vị: \_\_\_\_\_

Số báo danh: \_\_\_\_\_  
Ngày thi: \_\_\_\_\_

1. Đối tượng của tâm lý học là các hiện tượng?

- A. Tâm lý  
B. Tâm vật lý  
C. Tâm sinh lý  
D. Sinh lý

2. Nhiệm vụ của tâm lý học là?

- A. Tất cả các phương án ở đây đều đúng.  
B. Nghiên cứu bản chất của hoạt động tâm lý.  
C. Phát hiện các qui luật hình thành, phát triển tâm lý.  
D. Tìm ra cơ chế của các hiện tượng tâm lý.

3. Tâm lý con người là sự phản ánh hiện thực khách quan vào?

- A. Não, thông qua chủ thể.  
B. Mỗi người, thông qua xã hội.  
C. Mỗi cá nhân, thông qua chủ thể.  
D. Chủ thể này, thông qua các chủ thể khác.

4. Hình ảnh của một cuốn sách trong gương và hình ảnh của cuốn sách đó trong não người là:

- A. Giống nhau một phần.  
B. Khác nhau hoàn toàn.  
C. Giống nhau hoàn toàn.  
D. Khác nhau một phần.

5. Tìm câu đúng: Chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định: Tâm lý con người là sự:

- A. Phản ánh của hiện thực khách quan vào não người thông qua lăng kính chủ quan.  
B. Tác động của hiện thực khách quan vào não người thông qua lăng kính chủ quan.  
C. Tiếp nhận hiện thực khách quan vào não người thông qua lăng kính chủ quan.  
D. Tương tác giữa con người với thực khách quan thông qua lăng kính chủ quan.

**6.** Hình ảnh tâm lý con người mang tính chủ thể được cắt nghĩa bởi:

- A.** Những đặc điểm riêng về hệ thần kinh, hoàn cảnh sống và tính tích cực hoạt động của cá nhân.
- B.** Sự khác nhau về môi trường sống của cá nhân.
- C.** Sự phong phú của các mối quan hệ xã hội.
- D.** Tính tích cực hoạt động của cá nhân khác nhau.

**7.** 'Mỗi khi đến giờ kiểm tra, Lan đều cảm thấy hồi hộp đến khó tả'. Hiện tượng trên là biểu hiện của:

- A.** Trạng thái tâm lý.
- B.** Quá trình tâm lý.
- C.** Thuộc tính tâm lý.
- D.** Hiện tượng vô thức.

**8.** Các quá trình nhận thức gồm:

- A.** Cảm giác, tri giác, trí nhớ, tư duy, tưởng tượng.
- B.** Cảm xúc, cảm giác, tri giác, trí nhớ, tư duy, tưởng tượng.
- C.** Cảm giác, tri giác, trí nhớ, chú ý, tư duy, tưởng tượng.
- D.** Cảm giác, tri giác, trí nhớ, tư duy, ý chí, tưởng tượng.

**9.** Chức năng của tâm lý con người là:

- A.** Tất cả phương án ở đây.
- B.** Giúp định hướng hành động của cá nhân.
- C.** Động lực thúc đẩy hành động của cá nhân.
- D.** Điều khiển và điều chỉnh hành động của cá nhân.

**10.** Nhờ có chức năng định hướng, điều khiển, điều chỉnh mà tâm lý giúp con người không chỉ thích ứng với hoàn cảnh khách quan mà còn nhận thức, cải tạo và sáng tạo ra thế giới. Do đó, có thể nói nhân tố tâm lý có vai trò cơ bản là tính:

- A.** Định hướng.
- B.** Sáng tạo.
- C.** Chủ đạo.
- D.** Quyết định.

**11.** Kết luận sau: 'Phải tổ chức hoạt động và các quan hệ giao tiếp để nghiên cứu, phát triển và cải tạo tâm lý con người' là được rút ra từ luận điểm:

- A.** Tâm lý con người là sản phẩm của hoạt động và giao tiếp.      **B.** Tâm lý con người có nguồn gốc là thế giới khách quan.  
**C.** Tâm lý con người có bản chất xã hội.      **D.** Tâm lý người mang tính chủ thể.

**12.** Kết luận sau: 'Phải nghiên cứu môi trường xã hội, nền văn hoá xã hội, trong đó con người sống và hoạt động' là được rút ra từ luận điểm nào sau đây?

- A.** Tâm lý con người có bản chất xã hội.      **B.** Tâm lý con người có nguồn gốc là thế giới khách quan.  
**C.** Tâm lý con người là sản phẩm của hoạt động và giao tiếp.      **D.** Tâm lý con người mang tính chủ thể.

**13.** Kết luận sau: 'Phải nghiên cứu hoàn cảnh trong đó con người sống và hoạt động' là được rút ra từ luận điểm nào sau đây?

- A.** Tâm lý người có nguồn gốc là thế giới khách quan.      **B.** Tâm lý người có bản chất xã hội.  
**C.** Tâm lý người là sản phẩm của hoạt động và giao tiếp.      **D.** Tâm lý người mang tính chủ thể.

**14.** Kết luận sau: 'Trong các quan hệ ứng xử phải lưu tâm đến nguyên tắc sát đối tượng' là được rút ra từ luận điểm nào sau đây?

- A.** Tâm lý con người mang tính chủ thể.      **B.** Tâm lý người có nguồn gốc là thế giới khách quan.  
**C.** Tâm lý người có bản chất xã hội.      **D.** Tâm lý người là sản phẩm của hoạt động và giao tiếp.

**15.** Nguyên tắc nghiên cứu tâm lý nào thuộc nội dung mô tả sau: 'Hoạt động là phương thức hình thành, phát triển và thể hiện tâm lý, ý thức, nhân cách. Đồng thời tâm lý, ý thức, nhân cách định hướng, điều khiển, điều chỉnh hoạt động'?

- A.** Nguyên tắc thống nhất tâm lý, ý thức, nhân cách với hoạt động.      **B.** Nguyên tắc quyết định luận.  
**C.** Nguyên tắc mối liên hệ phổ biến.      **D.** Nguyên tắc lịch sử cụ thể.

**16.** Nguyên tắc nghiên cứu tâm lý nào thuộc nội dung mô tả sau: 'Môi trường tự nhiên, xã hội thường xuyên vận động và biến đổi không ngừng. Vì thế, tâm lý, ý thức con người cũng thường xuyên vận động và biến đổi'?

- A.** Nguyên tắc thống nhất tâm lý, ý thức, nhân cách với hoạt động.      **B.** Nguyên tắc quyết định luận.  
**C.** Nguyên tắc mối liên hệ phổ biến.      **D.** Nguyên tắc lịch sử cụ thể.

**17.** Nguyên tắc nghiên cứu tâm lý nào thuộc nội dung mô tả sau: 'Các hiện tượng tâm lý của cá nhân không tồn tại riêng rẽ, độc lập, mà chúng thường xuyên quan hệ chặt chẽ và bổ sung cho nhau'?

- A.** Nguyên tắc quyết định luận.      **B.** Nguyên tắc thống nhất tâm lý, ý thức, nhân cách với hoạt động.  
**C.** Nguyên tắc mối liên hệ phổ biến.      **D.** Nguyên tắc lịch sử cụ thể.

**18.** Tâm lý con người mang tính chủ thể. Vì thế trong dạy học, giáo dục cũng như trong ứng xử phải chú ý đến nguyên tắc nào dưới đây?

- A.** Nguyên tắc sát đối tượng.      **B.** Nguyên tắc quyết định luận.  
**C.** Nguyên tắc thống nhất tâm lý, ý thức, nhân cách với hoạt động.      **D.** Nguyên tắc lịch sử cụ thể.

**19.** Việc phân tích các bài báo, các bài kiểm tra, nhật kí, các sản phẩm lao động để biết đặc điểm tâm lý học sinh thuộc phương pháp nào dưới đây?:

- A.** Phân tích sản phẩm hoạt động.      **B.** Thực nghiệm.  
**C.** Trắc nghiệm.      **D.** Quan sát.

**20.** Việc tri giác có chủ định nhằm thu thập tư liệu về đặc điểm của mỗi đối tượng thông qua các hành vi, ngôn ngữ, cử chỉ của đối tượng thuộc phương pháp nào dưới đây?

- A.** Quan sát.      **B.** Thực nghiệm.  
**C.** Trắc nghiệm.      **D.** Phân tích sản phẩm hoạt động.

**21.** Quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện được khống chế, để gây ra ở đối tượng một biến đổi nhất định có thể đo đạc và lượng hoá được thuộc phương pháp nào dưới đây?

- A.** Trắc nghiệm.
- B.** Thực nghiệm.
- C.** Quan sát.
- D.** Phân tích sản phẩm hoạt động.

**22.** Một phép thử dùng để đo lường các yếu tố tâm lý, mà trước đó đã được chuẩn hoá trên một số lượng người đủ tiêu biểu thuộc phương pháp nào dưới đây?

- A.** Thực nghiệm.
- B.** Trắc nghiệm.
- C.** Quan sát.
- D.** Phân tích sản phẩm hoạt động.

**23.** Tìm câu đúng: Phương pháp thực nghiệm trong nghiên cứu tâm lý là phương pháp trong đó:

- A.** Nhà nghiên cứu tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế để làm bộc lộ hoặc hình thành ở đối tượng những hiện tượng mình cần nghiên cứu.
- B.** Việc nghiên cứu được tiến hành trong những điều kiện tự nhiên đối với người được nghiên cứu.
- C.** Người được nghiên cứu không biết mình trở thành đối tượng nghiên cứu.
- D.** Nhà nghiên cứu tác động tích cực vào hiện tượng mà mình cần nghiên cứu.

**24.** Động cơ hành động của con người xuất phát mạnh nhất từ?

- A.** Nhu cầu chưa được thỏa mãn.
- B.** Những gì mà nhà quản lý hứa sẽ thưởng sau khi hoàn thành.
- C.** Các nhu cầu của con người trong sơ đồ Maslow.
- D.** Các nhu cầu bậc cao.

**25.** Để biện pháp động viên khuyến khích đạt hiệu quả cao, nhà quản lý phải chú ý đến điểm nào dưới đây?

- A.** Tất cả những phương án ở đây.
- B.** Nhu cầu nguyện vọng của cấp dưới.
- C.** Tiềm lực của công ty.
- D.** Phụ thuộc vào yếu tố của mình.

**26.** Tìm câu trả lời đúng nhất: Ra quyết định là một công việc?

- A.** Lựa chọn giải pháp cho một vấn đề xác định.
- B.** Mang tính nghệ thuật.
- C.** Công việc của các nhà quản lý cấp cao.
- D.** Tất cả các phương án ở đây đều sai.

**27.** Tìm câu trả lời đúng nhất: Ra quyết định là một công việc?

- A.** Lựa chọn giải pháp cho một vấn đề xác định.
- B.** Một công việc mang tính khoa học.
- C.** Tất cả các phương án đều sai.
- D.** Công việc của tập thể công nhân viên.

**28.** Tìm câu sai: Quá trình ra quyết định bao gồm các bước?

- A.** Truyền đạt quyết định.
- B.** Sơ bộ đề ra nhiệm vụ.
- C.** Thu thập thông tin.
- D.** Dự kiến các phương án có thể.

**29.** Tìm câu trả lời đúng nhất: Ra quyết định là một công việc?

- A.** Vừa mang tính khoa học vừa mang tính nghệ thuật.
- B.** Mang tính khoa học.
- C.** Mang tính nghệ thuật.
- D.** Tất cả các phương án ở đây đều sai.

**30.** Lựa chọn mô hình ra quyết định phụ thuộc vào?

- A.** Nhiều yếu tố khác nhau trong đó có các yếu tố nêu ở đây.
- B.** Năng lực nhà quản lý.
- C.** Tính cách nhà quản lý.
- D.** Ý muốn của đa số nhân viên.

**31.** Khi ra quyết định, Nhà quản lý nên?

- A.** Xem xét nhiều yếu tố để lựa chọn một mô hình ra quyết định phù hợp.
- B.** Kết hợp nhiều mô hình ra quyết định.
- C.** Sử dụng mô hình ra quyết định tập thể.
- D.** Chọn một mô hình để ra quyết định cho mình.

**32.** Tìm câu đúng: Ra quyết định nhóm?

- A.** Tất cả những phương án ở đây đều sai.
- C.** Luôn mang lại hiệu quả.

- B.** Ít khi mang lại hiệu quả.
- D.** Mang lại hiệu quả cao trong những điều kiện phù hợp.

**33.** Tìm câu đúng: Quản lý nhằm?

- A.** Tất cả những phương án ở đây đều đúng.
- C.** Tổ chức phối hợp với các hoạt động của những thành viên trong tập thể.

- B.** Thực hiện những mục đích riêng.
- D.** Sử dụng tất cả các nguồn lực hiện có.

**34.** Để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, nhà quản lý có thể thực hiện bằng cách nào dưới đây?

- A.** Vừa giảm chi phí đầu vào vừa tăng doanh thu
- B.** Giảm chi phí đầu vào.
- C.** Tăng doanh thu đầu ra.

**35.** Trong các phong cách lãnh đạo dưới đây, phong cách nào mang lại hiệu quả nhất?

- A.** Dân chủ.
- C.** Độc đoán.
- B.** Tự do.
- D.** Tất cả các phương án ở đây đều đúng.

**36.** Nhà quản lý chỉ cần kiểm soát?

- A.** Tất cả các phương án ở đây đều đúng.
- C.** Trước khi thực hiện kế hoạch.

- B.** Trong quá trình thực hiện kế hoạch đã giao.
- D.** Sau khi thực hiện kế hoạch.

**37.** Tìm câu đúng: Tâm lý là?

- A.** Những hiện tượng tư tưởng, tình cảm, ý chí làm nên nội tâm con người.
- C.** Là sản phẩm của não người.

- B.** Là phần hồn của con người.
- D.** Là sự phản ánh khách quan thế giới lên não người.

**38.** Tâm lý con người là?

- A.** Sự phản ánh hiện thực khách quan vào não bộ con người.
- B.** Ý thức của con người.
- C.** Những hình ảnh được lưu giữ lại và được thể hiện thành các hành vi, thái độ.
- D.** Sự nôn nóng, bực tức hay vui vẻ của con người.

**39.** Những câu nào sau đây không thuộc chức năng của tâm lý?

- A.** Tâm lý tạo thói quen hay uống rượu.
- B.** Tâm lý định hướng cho hoạt động của con người.
- C.** Tâm lý tạo động lực cho con người hoạt động.
- D.** Tâm lý góp phần điều chỉnh hoạt động của con người.

**40.** Yếu tố nào quyết định đến việc nâng cao năng suất lao động theo nghiên cứu của Elton Mayor?

- A.** Sự hài lòng về công việc đang làm.
- B.** Điều kiện làm việc tốt.
- C.** Chế độ trả lương và tiền thưởng hợp lý.
- D.** Trang thiết bị sản xuất hiện đại và được bảo trì tốt.

**41.** Đối tượng chủ yếu của tâm lý học kinh doanh là?

- A.** Nghiên cứu khía cạnh tâm lý của người tiêu dùng, người lao động, người kinh doanh và người quản lý.
- B.** Nghiên cứu các hành vi của người mua và người bán.
- C.** Nghiên cứu con người trong đời thường (trong sự tồn tại như một thực thể sống với sự ăn, ở, làm việc, sinh hoạt...).
- D.** Nghiên cứu khía cạnh tâm lý của con người lao động trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả.

**42.** Điểm nào dưới đây không phải là nhiệm vụ của tâm lý học kinh doanh?

- A.** Nghiên cứu các quy luật cung và cầu trong sản xuất kinh doanh.
- B.** Động cơ hoạt động sản xuất kinh doanh, mua và bán của con người.
- C.** Các hiện tượng tâm lý thời trang, mốt, thị hiếu, cạnh tranh, đấu cơ tích trữ trong kinh doanh.
- D.** Nghiên cứu các cơ chế của việc hình thành các hiện tượng tâm lý diễn ra trong mua và bán.

**43.** Điểm nào dưới đây không phải là phương pháp nghiên cứu tâm lý học kinh doanh?

- A.** Phương pháp thống kê.
- B.** Phương pháp quan sát.
- C.** Phương pháp phỏng vấn.
- D.** Phương pháp thực nghiệm.

**44.** Điểm nào dưới đây không phải là phương pháp nghiên cứu tâm lý học kinh doanh?

- A.** Phương pháp phân tích hóa lý.
- B.** Phương pháp phỏng vấn.
- C.** Phương pháp nghiên cứu trắc nghiệm.
- D.** Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động.

**45.** Điểm nào dưới đây không phải là đặc điểm của các hiện tượng tâm lý?

- A.** Tính dân chủ và khách quan.
- B.** Tính tổng thể.
- C.** Tính thống nhất giữa con người và thực tại khách quan.
- D.** Tính chủ thể của các hiện tượng tâm lý.

**46.** Tìm câu trả lời đúng cho câu hỏi: Tín hiệu là gì?

- A.** Tín hiệu là cách phản ánh hiện thực khách quan mà não bộ con người có thể nhận được qua các giác quan.
- B.** Tín hiệu là những hiện thực khách quan mà ta thu nhận được.
- C.** Tín hiệu là các dấu hiệu phân biệt cái này khác cái khác.
- D.** Không phải các câu trả lời trên.

**47.** Ngưỡng cảm giác là gì?

- A.** Là mức độ phản ánh của sự vật đủ mạnh để con người có cảm giác.
- B.** Là hành rào ngăn cách tiếp nhận cảm giác.
- C.** Là mức độ chịu đựng của con người về mặt tình cảm.
- D.** Là ranh giới phân biệt cảm giác của con người.

**48.** Tư duy là gì?

- A.** Là quá trình tâm lý phản ánh những thuộc tính bản chất, những mối liên hệ và quan hệ bên trong có tính quy luật của sự vật và hiện tượng.
- B.** Là suy nghĩ của con người chưa nói ra bằng lời.
- C.** Là những dự định nhằm thực hiện ước mơ của mình.
- D.** Là so sánh hai hoặc nhiều sự vật, hiện tượng để tìm ra cái chung, cái riêng của nó.

**49.** Trí nhớ là gì?

- A.** Trí nhớ là sự ghi lại, nhớ lại và làm tái hiện lại (các biểu tượng) những gì mà cá nhân con người thu được trong hoạt động của mình.
- B.** Là sự lưu giữ thông tin trong não bộ.
- C.** Là một chức năng của hệ thần kinh trung ương.
- D.** Là sự sẵn sàng tái hiện lại những gì mà con người cảm nhận được.

**50.** Các quy luật nào dưới đây không thuộc quy luật đời sống tình cảm?

- A.** Quy luật cung cầu.
- B.** Quy luật hứng thú.
- C.** Quy luật lây lan.
- D.** Quy luật thích nghi.

**51.** Các quy luật nào dưới đây không thuộc quy luật đời sống tình cảm?

- A.** Quy luật cạnh tranh.
- B.** Quy luật lây lan.
- C.** Quy luật thích nghi.
- D.** Quy luật hứng thú.

**52.** Tìm câu trả lời sai: Nghiên cứu hiện tượng tâm lý trong hoạt động kinh doanh để?

- A.** Lập kế hoạch mua nguyên vật liệu.
- B.** Tuyển chọn và bố trí cán bộ.
- C.** Lên kế hoạch đào tạo và phát triển.
- D.** Tổ chức ngày lễ truyền thống của công ty.

**53.** Tìm câu sai: Quyền con người là?

- A.** Quyền con người bao giờ cũng độc lập với hệ thống pháp luật.
- B.** Quyền con người trong xã hội là một biểu hiện cụ thể của mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng xã hội.
- C.** Quyền con người là cơ sở để hình thành ra quyền công dân.
- D.** Quyền con người phải gắn với nghĩa vụ của con người.

**54.** Điểm nào sau đây không phải là nguyên nhân tạo ra xung đột trong nhóm?

- A.** Do mâu thuẫn giữa các cá nhân.
- B.** Do cạnh tranh giữa hai chủ thể (mỗi chủ thể là một hay nhiều người).
- C.** Do chống đối lẫn nhau giữa các chủ thể tham gia xung đột.
- D.** Do lợi ích của các bên xung đột mâu thuẫn nhau (bên được, bên mất).

**55.** Phương pháp nào không nên áp dụng để xử lý xung đột trong nhóm?

- A.** Để mặc các bên tự hòa giải với nhau.
- B.** Sử dụng một chủ thể thứ ba để giải thích, khuyên giải.
- C.** Khử hẳn một phía của các bên xung đột.
- D.** Đưa một bên xung đột vào nhóm khác của hệ thống.

**56.** Phương pháp nào không nên áp dụng để xử lý xung đột trong nhóm?

- A.** Nhờ sự can thiệp của tòa án.
- B.** Đẩy mức xung đột lên mức tối đa.
- C.** Khử hẳn một phía của các bên xung đột.
- D.** Đưa một bên xung đột vào nhóm khác của hệ thống.

**57.** Phương pháp nào không nên áp dụng để xử lý xung đột trong nhóm?

- A.** Dựa vào nội quy của doanh nghiệp và pháp luật.
- B.** Sử dụng một chủ thể thứ ba để giải thích, khuyên giải.
- C.** Khử hẳn một phía của các bên xung đột.
- D.** Đưa một bên xung đột vào nhóm khác của hệ thống.

**58.** Đặc tính quan trọng nhất của nhà quản là gì?

- A.** Luôn luôn nắm vững pháp luật và hiểu thông lệ kinh doanh.
- B.** Lao động với con người là chủ yếu.
- C.** Nắm vững kiến thức thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau.
- D.** Tính sáng tạo cao, lao động trí óc là chủ yếu.

**59.** Tính cách nào sau đây không tạo được uy tín cho nhà quản lý?

- A.** Có sự phân biệt đối xử trong công tác và hưởng lợi.
- B.** Có lòng say mê làm lãnh đạo.
- C.** Có tính nguyên tắc.
- D.** Có tính nhân đạo chủ nghĩa.

**60.** Đặc điểm nào sau đây biểu hiện uy tín giả cho nhà lãnh đạo quản lý?

- A.** Uy tín do khoảng cách.
- B.** Quan hệ với thông tin quản lý.
- C.** Kết quả thực hiện quyết định quản lý.
- D.** Thực trạng công việc lúc nhà quản lý vắng mặt.

**61.** Theo Anh/chị phẩm chất chung nào quan trọng nhất đối với nhà quản lý?

- A.** Tính tổ chức.
- C.** Tính cởi mở.

- B.** Sự nhanh trí.
- D.** Óc quan sát.

**62.** Năng lực nào quan trọng nhất đối với nhà quản lý?

- A.** Năng lực tổ chức.
- C.** Năng lực sư phạm.

- B.** Năng lực chuyên môn.
- D.** Năng lực thuyết phục.

## ĐÁP ÁN

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10
A	A	A	A	A	A	A	A	A	A
Câu 21	Câu 22	Câu 23	Câu 24	Câu 25	Câu 26	Câu 27	Câu 28	Câu 29	Câu 30
A	A	A	A	A	A	A	A	A	A
Câu 41	Câu 42	Câu 43	Câu 44	Câu 45	Câu 46	Câu 47	Câu 48	Câu 49	Câu 50
A	A	A	A	A	A	A	A	A	A
Câu 61	Câu 62	Câu 63	Câu 64	Câu 65	Câu 66	Câu 67	Câu 68	Câu 69	Câu 70
A	A	A	A	A	A	A	A	A	A
Câu 81	Câu 82	Câu 83	Câu 84	Câu 85	Câu 86	Câu 87	Câu 88	Câu 89	Câu 90
A	A	A	A	A	A	A	A	A	A
Câu 101	Câu 102	Câu 103	Câu 104	Câu 105	Câu 106	Câu 107	Câu 108	Câu 109	Câu 110
A	A	A	A	A	A	A	A	A	A
Câu 121					Câu 122				
A					A				